TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 17

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Giá trị của chữ số 2 trong số 275 567 là:

A. 2 **B.** 20 000 **C.** 2 000 000 **D.** 200 000

Câu 2. *(0,5 điểm)* Dãy số 21, 25, 29, ……, 149 có bao nhiêu số?

A. 32 **B.** 34 **C.** 33 **D.** 35

Câu 3. *(0,5 điểm)* Số lớn nhất trong các số 262 915, 226 915, 262 925, 226 905 là:

A. 226 915 **B.** 226 905 **C.** 262 925 **D.** 262 915

Câu 4. *(0,5 điểm)* Tú mua 6 quyển truyện, mỗi quyển giá 6000 đồng và 2 cái bút, mỗi cái giá 4000 đồng. Tú đưa cô bán hàng 100 000 đồng. Cô bán hàng trả lại Tú:

A. 56 000 đồng **B.** 60 000 đồng **C.** 44 000 đồng **D.** 64 000 đồng

Câu 5. *(0,5 điểm)* Biểu thức nào có giá trị bằng (139 + 559) + 454?

A. 139 × 559 + 454 **B.** 139 + 559 − 454

C. (139 + 559) × 454 **D.** 139 + (559 + 454)

Câu 6. *(0,5 điểm)* Tổng của hai số là 7384, số lớn hơn số bé 70 đơn vị. Số bé là:

A. 3692 **B.** 3727 **C.** 70 **D.** 3657

Câu 7. *(0,5 điểm)* 2 phút 46 giây = …… giây

A. 166 **B.** 246 **C.** 226 **D.** 48

Câu 8. *(0,5 điểm)* Góc bẹt được chia thành hai góc, một góc có số đo 70°. Góc còn lại có số đo là:

A. 290° **B.** 70° **C.** 110° **D.** 20°

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho dãy số: 9, 16, 23, 30, ……, 268. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có …… số

b) Số thứ 11 của dãy là: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 9 triệu, 5 chục nghìn, 6 trăm và 7 đơn vị viết là: ……

b) Số «ba mươi ba triệu chín trăm mười hai nghìn bảy trăm tám mươi mốt» viết là: ……

c) Làm tròn số 447 557 đến hàng trăm nghìn được: ……

Câu 11. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 3 với a = 5585, b = 512: …….

b) m − n + p với m = 32 084, n = 13 139, p = 5195: …….

c) (x + 1604) × 2 với x = 500: …….

Câu 12. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

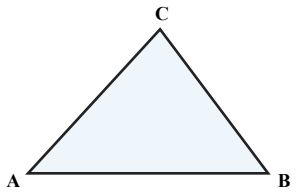
a) 3 tấn 50 kg ……. 3500 kg

b) 5 m^2 5 dm^2 ……. 550 dm^2

c) 4 thế kỉ ……. 401 năm

d) 7 067 057 ……. 7 066 957

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Câu 14. *(1 điểm)* Hai thùng có tất cả 136 l dầu. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai 38 l. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

a) Thùng thứ nhất: ……. l

b) Thùng thứ hai: ……. l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 17

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	C	A	D	D	A	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) (268 − 9) : 7 + 1 = 38 (số)

b) 9 + (11 − 1) × 7 = 79

Câu 10.

a) 9 050 607

b) 33 912 781

c) Chữ số hàng chục nghìn là 4 nên được 400 000

Câu 11.

a) 5585 + 512 × 3 = 5585 + 1536 = 7121

b) 32 084 − 13 139 + 5195 = 18 945 + 5195 = 24 140

c) (500 + 1604) × 2 = 2104 × 2 = 4208

Câu 12.

a) 3050 < 3500

b) 505 < 550

c) 400 < 401

d) 7 067 057 > 7 066 957

Câu 13.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của tam giác ABC: 0 góc vuông, 3 góc nhọn, 0 góc tù.

Câu 14.

Thùng thứ nhất: (136 + 38) : 2 = 87 (l)

Thùng thứ hai: 87 − 38 = 49 (l)